

# Inspiron 14

3000 Series

## Quick Start Guide

Panduan Pengaktifan Cepat  
Guía de inicio rápido  
Hướng dẫn khởi động nhanh  
دليل البدء السريع



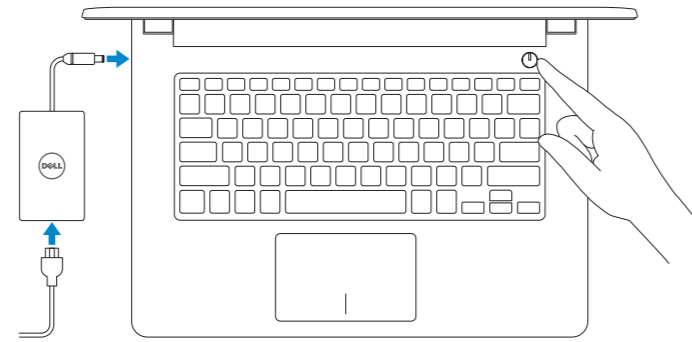
## 1 Connect the power adapter and press the power button

Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya

Conecte el adaptador de energía y presione el botón de encendido

Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn

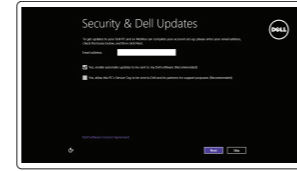
توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



## 2 Finish Windows setup

Tuntaskan penataan Windows | Finalice la configuración de Windows

Hoàn tất cài đặt Windows | Windows إنهاء إعداد



### Enable security and updates

Aktifkan keamanan dan pembaruan

Activar seguridad y actualizaciones

Bật tính năng bảo mật và cập nhật

قم بتمكين الأمان والتحديثات



### Connect to your network

Sambungkan ke jaringan Anda

Conectar a su red

Kết nối vào mạng của bạn

الاتصال بالشبكة

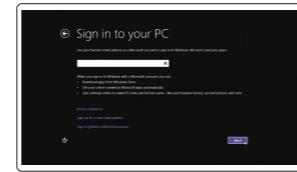
**NOTE:** If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

**CATAN:** Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

**NOTA:** Si se está conectando a una red inalámbrica segura, introduzca la contraseña para el acceso a la red inalámbrica cuando se le solicite.

**GHI CHÚ:** Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

**ملاحظة:** عند الاتصال بشبكة لاسلكية آمنة، أدخل كلمة المرور للدخول للشبكة اللاسلكية عندما يطلب ذلك.



### Sign in to your Microsoft account or create a local account

Masuk ke akun Microsoft Anda atau buat akun lokal

Iniciar sesión en su cuenta de Microsoft o crear una cuenta local

Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính

قمب تسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو قم بإنشاء حساب محلي

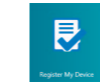
## Locate your Dell apps

Cari lokasi aplikasi Dell Anda

Localice sus aplicaciones Dell

Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn

تحديد مكان تطبيقات جهاز Dell الخاص بك



### Register your computer

Daftarkan komputer Anda | Registrar su equipo

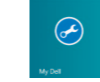
Đăng ký máy tính của bạn | قم بتسجيل الكمبيوتر



### Dell Backup and Recovery

Pencadangan dan Pemulihan Dell | Respaldo y Recuperación de Dell

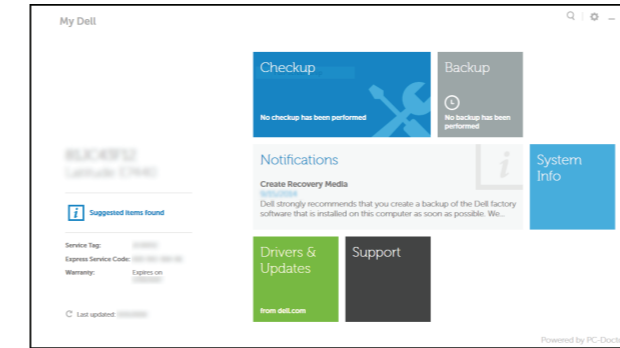
Sao lưu và Phục hồi Dell | Dell Backup and Recovery



### My Dell

Dell Saya | Mi Dell

Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي



## Learn how to use Windows

Pelajari cara menggunakan Windows | Cómo usar Windows

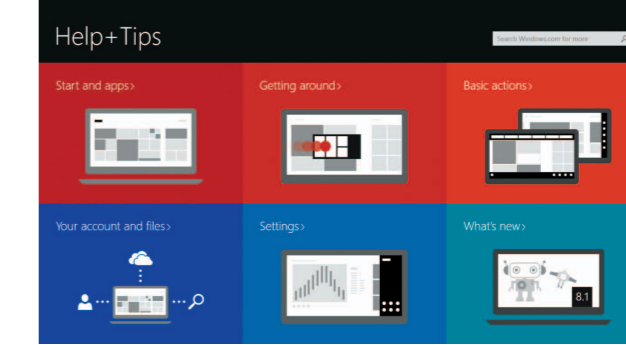
Tìm hiểu cách sử dụng Windows | Windows تعرف على كيفية استخدام



### Help and Tips

Bantuan dan Tips | Ayuda y consejos

Trợ giúp và Mẹo | تعليمات وتلميحات



### Product support and manuals

Manual dan dukungan produk

Manuales y soporte técnico de productos

Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn

دعم المنتج والدلائل الخاصة به

dell.com/support

dell.com/support/manuals

dell.com/windows8

### Contact Dell

Hubungi Dell | Póngase en contacto con Dell

Liên hệ Dell | Dell الاتصال بـ

dell.com/contactdell

### Regulatory and safety

Regulasi dan keselamatan | Normativa y seguridad

Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

dell.com/regulatory\_compliance

### Regulatory model

Model Regulatori | Modelo normativo

Model quy định | النموذج التنظيمي

P60G

### Regulatory type

Jenis regulatori | Tipo normativo

Loại quy định | النوع التنظيمي

P60G001

P60G002

### Computer model

Model komputer | Modelo de equipo

Model máy tính | نموذج الكمبيوتر

Inspiron 14-3451

Inspiron 14-3458

© 2014 Dell Inc.

© 2014 Microsoft Corporation.



OC9JHFA00

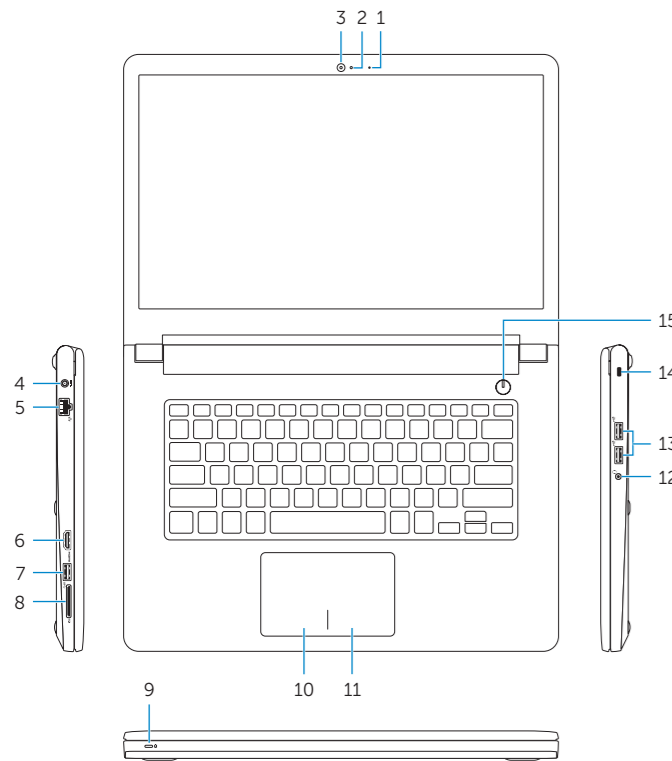


Printed in China.

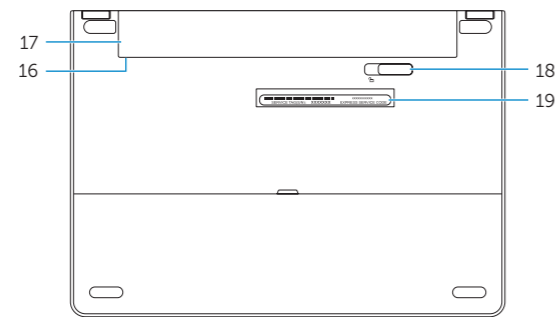
2014-11

# Features

Fitur | Funciones | Tính năng | الميزات



- 1. Microphone
- 2. Camera-status light
- 3. Camera
- 4. Power-adaptor port
- 5. Network port (Inspiron 3458 only)
- 6. HDMI port
- 7. USB 3.0 port
- 8. Media-card reader
- 9. Power and battery-status light/hard-drive activity light
- 10. Left-click area
- 11. Right-click area
- 12. Headset port
- 13. USB 2.0 ports (2)
- 14. Security-cable slot
- 15. Power button
- 16. Regulatory label (in battery bay)
- 17. Battery
- 18. Battery-release latch
- 19. Service Tag label



- 1. Mikrofon
- 2. Lampu status kamera
- 3. Kamera
- 4. Port adaptor daya
- 5. Port jaringan (Inspiron 3458 saja)
- 6. Port HDMI
- 7. Port USB 3.0
- 8. Pembaca kartu media
- 9. Lampu status daya dan baterai/lampu aktivitas hard disk
- 10. Area klik kiri
- 11. Area klik kanan
- 12. Port headset
- 13. Port USB 2.0 (2)
- 14. Slot kabel pengaman
- 15. Tombol daya
- 16. Label regulatori (dalam bay baterai)
- 17. Baterai
- 18. Kait pelepas baterai
- 19. Label Tag Servis

- 1. Micrófono
- 2. Indicador luminoso de estado de la cámara
- 3. Cámara
- 4. Puerto de adaptador de alimentación
- 5. Puerto de red (solo Inspiron 3458)
- 6. Puerto HDMI
- 7. Puerto USB 3.0
- 8. Lector de tarjetas multimedia
- 9. Indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/Indicador luminoso de actividad de la unidad del disco duro
- 10. Área de clic izquierdo
- 11. Área de clic derecho
- 12. Puerto de audífonos
- 13. Puertos USB 2.0 (2)
- 14. Ranura del cable de seguridad
- 15. Botón de encendido
- 16. Etiqueta normativa (en el compartimento de la batería)
- 17. Batería
- 18. Pasador de liberación de la batería
- 19. Etiqueta de servicio

- 1. Micrô
- 2. Đèn trạng thái camera
- 3. Camera
- 4. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện
- 5. Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 3458)
- 6. Cổng HDMI
- 7. Cổng USB 3.0
- 8. Khe đọc thẻ nhớ
- 9. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
- 10. Vùng nhấp trái
- 11. Vùng nhấp phải
- 12. Cổng tai nghe
- 13. Cổng USB 2.0 (2)
- 14. Khe cáp bảo vệ
- 15. Nút nguồn
- 16. Nhãn quy định (trong khay pin)
- 17. Pin
- 18. Chốt nhả pin
- 19. Nhãn Thẻ bảo trì

- 1. الميكروفون
- 2. مصباح حالة الكاميرا
- 3. الكاميرا
- 4. منفذ مهأى التيار
- 5. منفذ الشبكة (فقط Inspiron 3458)
- 6. منفذ HDMI
- 7. منفذ USB 3.0
- 8. قارئ بطاقات الوسائط
- 9. ضوء حالة البطارية والطاقة/ضوء نشاط محرك الأقراص الثابتة
- 10. منطقة النقر الأيسر
- 11. منطقة النقر الأيمن
- 12. منفذ سماعة الرأس
- 13. منافذ USB 2.0 (2)
- 14. فتحة كبل الأمان
- 15. زر التيار
- 16. المصق التنظيمي (في حيز البطارية)
- 17. البطارية
- 18. قفل تحرير البطارية
- 19. ملصق رمز الخدمة

# Shortcut keys

Tombol pintasan | Teclas de acceso directo

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- F1** Mute audio  
Mematikan audio | Silenciar el audio  
Tắt âm | كتم الصوت
- F2** Decrease volume  
Menurunkan volume | Bajar el volumen  
Giảm âm lượng | خفض مستوى الصوت
- F3** Increase volume  
Meningkatkan volume | Subir el volumen  
Tăng âm lượng | رفع مستوى الصوت
- F4** Play previous track/chapter  
Memutar trek/bab sebelumnya | Reproducir pista o capítulo anterior  
Phát bản nhạc/chương trước đó | تشغيل المسار/الفصل السابق
- F5** Play/Pause  
Memutar/Menjeda | Reproducir/Pausar  
Phát/Tạm dừng | تشغيل/إيقاف مؤقت
- F6** Play next track/chapter  
Memutar trek/bab selanjutnya | Reproducir pista o capítulo siguiente  
Phát bản nhạc/chương kế tiếp | تشغيل المسار/الفصل التالي
- F8** Switch to external display  
Mengalihkan ke display eksternal | Cambiar a la pantalla externa  
«Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài | التبديل إلى الشاشة الخارجية
- F9** Open Search charm  
Membuka tombol Pencarian | Abrir acceso buscar  
Mở nút Tìm kiếm | افتح اختصار البحث
- F11** Decrease brightness  
Menurunkan kecerahan | Disminuir brillo  
Giảm độ sáng | تخفيض مستوى السطوع
- F12** Increase brightness  
Meningkatkan kecerahan | Aumentar brillo  
Tăng độ sáng | رفع مستوى السطوع

- Fn + Esc** Toggle Fn-key lock  
Mengalihkan kunci tombol Fn | Alternar bloqueo de la tecla Fn  
Bật tắt khóa phím Fn | تبديل قفل مفتاح Fn
- Fn + PrtScr** Turn off/on wireless  
Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel  
Activar/desactivar la función inalámbrica  
Tắt/mở mạng không dây  
تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي
- Fn + Insert** Sleep  
Tidur | Suspensión  
Chế độ ngủ | السكون
- Fn + H** Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light  
Mengalihkan antara lampu status baterai dan daya/lampu aktivitas hard disk  
Alternar entre el indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/indicador luminode actividad del disco duro  
Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng  
التبديل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة
- NOTE:** For more information, see [Specifications at dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- CATATAN:** Untuk informasi selengkapnya, lihat [Spesifikasi di dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- NOTA:** Para más información, consultar [Especificaciones en dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy xem [Thông số kỹ thuật tại dell.com/support](https://www.dell.com/support).